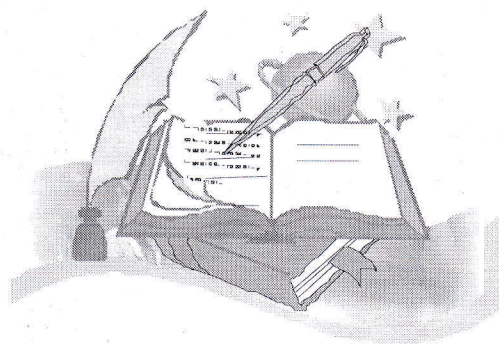


**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HÙNG**



**KẾ HOẠCH DỰ TOÁN
THU CHI TÀI CHÍNH
NĂM 2024**



Tây Hưng, ngày 26 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH DỰ TOÁN THU CHI TÀI CHÍNH

Năm 2024

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thu, chi tài chính của các cấp các ngành.
Thực hiện nhiệm vụ năm 2024.

Trường THCS Đông Tây Hưng xây dựng kế hoạch thu chi tài chính trong năm 2024 như sau:

I. Đặc điểm tình hình nhà trường:

1. Cơ sở vật chất

- Số lượng điểm trường: 02.
- Số lượng phòng học, phòng học bộ môn: 24 phòng.
- Số lượng phòng chức năng: 16 phòng.

2. Tổ chức bộ máy

Nhà trường có tổng số 41 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trong đó:

- + Cán bộ quản lý: 03 người
- + Giáo viên, nhân viên biên chế: 30 người.
- + Giáo viên, nhân viên diện hợp đồng huyện: 06 người.
- + Nhân viên bảo vệ hợp đồng: 02 người.

3. Học sinh:

[illegible]

II. Kế hoạch thu các quỹ:

Nguồn thu tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ.

Nhà trường quản lý thống nhất và toàn diện các nguồn thu bao gồm:

1. Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp: 6.603.448.000 đồng.

Đầu quý I năm 2024 được UBND huyện phân bổ kinh phí dự toán chi ngân sách nhà nước là 6.603.448.000 đồng.

Trong đó:

1.1. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (mã nguồn 13)

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 19 Nghị định 60/2021 ngày 21 tháng 6 năm 2021, đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các nội dung chi như sau:

1.1.1. Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: 4.545.855.000 đồng.

1.1.2. Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản có tính chất lương: 1.024.741.000 đồng.

1.2. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (mã nguồn 14)

Kinh phí tiền lương tính theo mức lương cơ sở 310.000 đồng tăng thêm: 1.032.852.000 đồng.

1.3. Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)

UBND huyện sẽ cân đối bổ sung dự toán theo các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2024

1.4. Thu học phí: 417.942.000 đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố quy định về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Công văn số 2368/SGDDĐT-KHTC ngày 31/8/2023 của Sở GD và ĐT Hải Phòng về việc thực hiện thu học phí, các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 3369/SGDDĐT-KHTC ngày 29/11/2023 Sở GD và ĐT

Hải Phòng về việc hướng dẫn học phí năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Năm học 2023 - 2024: (9 tháng)

- + Số học sinh: 749 học sinh
- + Mức thu: 62.000 đồng/tháng.
- + Dự kiến thu: 417.942.000 đồng
- + Số học sinh diện đối tượng chính sách được miễn, giảm: 15 em

2. Tiền Bảo hiểm y tế

Căn cứ Công văn số 1741/BHXXH-QLTST ngày 19/07/2023 Của BHXXH Thành phố Hải Phòng về việc triển khai công tác thu bảo hiểm y tế học sinh sinh viên năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 2113/BHXXH-QLTST ngày 07/09/2023 của BHXXH Thành phố Hải Phòng về việc phối hợp triển khai thực hiện BHYT học sinh sinh viên năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 390/GDDĐT ngày 14/09/2023 của Phòng GD và ĐT huyện Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2023-2024;

Thu bảo hiểm y tế năm 2024: Dự kiến

- + Số học sinh: 749 học sinh
- + Số học sinh diện đối tượng chính sách, con bộ đội không phải mua: 28 thể.
- + Mức thu: 680.400 đồng/học sinh/năm.
- + Dự kiến thu: 490.568.400 đồng.

3. Thu học thêm

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số

EN
RƯ
NG
NG
17

02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

*** Học thêm:**

- Học kỳ II năm học 2023 - 2024: (5 tháng)

+ Số học sinh: 749 học sinh

+ Số học sinh được miễn, giảm: 50 học sinh

+ Mức thu: 7.500đồng/1 tiết.

+ Dự kiến thu: 978.750.000 đồng

- Học kỳ I năm học 2024 - 2025: (4 tháng)

+ Số học sinh: 749 học sinh

+ Số học sinh được miễn, giảm: 50 học sinh

+ Mức thu: 7.500đồng/1 tiết..

+ Dự kiến thu: 783.000.000 đồng

*** Ôn thi vào lớp 10:**

- Năm học 2024 - 2025:

+ Số học sinh: 152 học sinh

+ Số học sinh được miễn, giảm: 10 học sinh

+ Mức thu: 7.500 đồng/tiết

+ Dự kiến thu: 4 tiết/buổi x 10 buổi/tuần x 4 tuần/tháng x 7.500 đồng/tiết
= 1.200.000 đồng/học sinh.

Tổng dự thu: 142 học sinh x 1.200.000 đồng/học sinh = 176.600.000 đồng.

*** Tổng số dự kiến thu học thêm năm 2024: 1.939.350.000 đồng.**

4. Tiền trông coi xe học sinh:

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT

Hải Phòng và Sở Tài chính Hải Phòng Hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

- Học kỳ II năm học 2023 - 2024: (5 tháng)

+ Số học sinh đi xe dự kiến: 550 xe/tháng

+ Mức thu: Xe đạp 25.000 đồng /tháng

+ Dự kiến thu: 68.750.000 đồng

- Học kỳ I năm học 2024 - 2025: (4 tháng)

+ Số học sinh đi xe dự kiến: 550 xe/tháng

+ Mức thu: Xe đạp 25.000 đồng /tháng

+ Dự kiến thu: 55.000.000 đồng

- Tổng số dự kiến thu năm 2024: 123.750.000 đồng.

5 Vòng tay bè bạn:

Căn cứ kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/09/2023 của Huyện đoàn - Phòng GD &ĐT huyện Tiên Lãng hướng dẫn triển khai phong trào “kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027;

Căn cứ công văn số 132-CV/ĐTN ngày 30/10/2023 của BCH Đoàn huyện Tiên Lãng về tham gia quỹ vòng tay bè bạn năm học 2023-2024. Quy đổi phé liệu bằng 5.000 đồng/ 1 học sinh/1tháng

Dự kiến thu:

+ Số học sinh: 749

+ Mức thu: 5.000 đồng /1 tháng

+ Dự kiến thu năm 2024: 33.705.000 đồng.

6 Nước uống học sinh:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-

HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDDT-STC ngày 25/01/2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

Mức thu: 10.000đ/1 học sinh/tháng

Dự thu 749 học sinh x 10.000 đồng x 9 tháng = 67.410.000 đồng

7 Quỹ khuyến học:

Vận động ủng hộ trực tiếp trên tinh thần tự nguyện trong buổi họp phụ huynh học sinh đầu năm học 2023 - 2024 theo Công văn hướng dẫn số 56/HDLN-HKH-SGD&ĐT ngày 01 tháng 12 năm 2016 và theo Kế hoạch hoạt động Ban khuyến học nhà trường.

8 Hoạt động kỹ năng sống:

- Căn cứ công văn số 1552/SGDDT - GDTX - CN&ĐH Về việc điều kiện liên kết dạy KNS của TT Trung tâm phát triển Giáo dục Quốc tế Gaia Hải Phòng với các đơn vị giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng ngày 21/07/2021.

- Căn cứ Báo cáo số 26/BC-GDDT ngày 11/4/2023 của Phòng giáo dục đào tạo huyện Tiên Lãng “Về việc triển khai hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường phổ thông trên địa bàn huyện của Trung tâm phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA Hải Phòng”

* Mức thu: 300.000đ/1 học sinh (Trong đó: Học phí: 240.000đ; Kinh phí bản quyền phần mềm: 60.000đ)

- Dự kiến thu: 749 học sinh x 300.000đ = 224.700.000đ

III. Kế hoạch chi các quỹ

1. Nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) và học phí năm 2024:

Chi theo quy định nhà nước và được xây dựng cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ.

Nhóm 1 : Dự chi cho con người

Mục	Nội dung chi	Số tiền chi
6001	Chi lương CBCNVC biên chế	2 732 646 874
6051	Chi lương hợp đồng theo chế độ	312 342 936
6101	Chi lương phụ cấp chức vụ	41 652 380

6112	Chi phụ cấp ưu đãi	1 050 473 720
6113	Chi phụ cấp trách nhiệm	5 586 000
6115	Chi phụ cấp thâm niên	504 681 692
6301	Chi nộp BHXH 17.%	679 943 804
6302	Chi nộp BHYT 3%	116 079 506
6303	Chi nộp KPCĐ 2%	77 261 534
6304	Chi nộp BHTN 1%	38 691 966
6349	Các khoản đóng góp khác 0,5%	19 346 588
	Cộng dự chi nhóm 1	5 578 707 000

Nhóm 2 : Dự chi chuyên môn nghiệp vụ

6051	Chi lương hợp đồng	136 468 800
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	145 314 500
6501	Chi thanh toán tiền điện thấp sáng	29 171 106
6502	Chi thanh toán tiền nước sinh hoạt	7 068 600
6505	Chi thanh toán khoán phương tiện xe	10 333 896
6549	Chi thanh toán khác	36 000 000
6551	Chi văn phòng phẩm	36 714 000
6552	Chi mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	20 000 000
6553	Chi khoán văn phòng phẩm	16 200 000
6599	Chi mua sắm vật tư văn phòng khác	29 925 000
6601	Chi trả cước phí điện thoại	1 679 000
6605	Chi trả thuê bao Internet	6 490 000
6608	Chi đặt báo, tạp chí thư viện	6 553 800
6704	Chi khoán công tác phí	24 000 000
6757	Chi thuê lao động trong nước	196 600 000
6799	Chi thuê mướn	56 500 000
6912	Chi sửa chữa thiết bị máy tính	40 000 000
6913	Chi sửa chữa tài sản và thiết bị văn phòng	20 000 000
6921	Chi sửa chữa đường điện, đường cấp thoát nước	51 000 000
6949, 6907	Chi sửa chữa tài sản, công trình hạ tầng cơ sở khác	52 035 000
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư dùng cho CM	66 403 498
7004	Chi đồng phục trang phục	6 000 000
7049	Chi phí khác	8 000 000
7756	Chi lệ phí chuyên lương	22 283 800
	Cộng dự chi nhóm 2	1 024 741 000

2. Quỹ BHYT học sinh

Dự kiến thu năm 2024: 490.568.400 đồng.

Những em thuộc đối tượng chính sách con bộ đội được cấp thẻ BHYT thì trừ ra theo quy định. Số thu được sẽ nộp 100% về bảo hiểm để mua thẻ cho học sinh.

Số KP được cấp về theo tỷ lệ quy định sẽ được nhà trường cân đối chi mua thuốc, công cụ, dụng cụ, VPP, và trang thiết bị cần thiết để phục vụ công tác y tế, kinh phí khám sức khỏe cho học sinh, tài liệu tuyên truyền phòng chống dịch bệnh.

3. Chi học thêm, ôn vào 10

Stt	Nội dung chi	Tỷ lệ	Dự chi
I	Chi trực tiếp cho giáo viên dạy	70%	1.357.545.000
1	Giáo viên dạy;	66%	1.279.971.000
2	Công tác chủ nhiệm lớp;	4%	77.574.000
II	Công tác quản lý	17%	329.689.500
1	Quản lý quỹ tại trường: (BGH, KT, TQ, BV, PV); <u>Trong đó:</u> Hiệu trưởng: 02 Phó hiệu trưởng: Kế toán: Thủ quỹ:	5% 8% 2,5% 1,5%	
III	Quỹ phúc lợi	4%	77.574.000
	- Chi Trợ cấp khó khăn đột xuất, hỗ trợ tiền khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: Hiệu trưởng ra quyết định dựa trên cơ sở tổ chức công đoàn đề nghị quyết định chi phù hợp với từng hoàn cảnh, đối tượng và phù hợp với điều kiện ngân sách của nhà trường. - Tiền chè, nước uống cho cán bộ giáo viên nhân viên tùy theo điều kiện thực tế của đơn vị. - Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn, khai giảng năm học, Tết Nguyên đán, ngày nhà giáo Việt		

Nam 20/11, 8/3, 20/10, 26/3..... mức chi từ 100.000 đến 2.000.000 đồng/người. - Chi chuẩn bị cho các hoạt động ngoại khóa, khánh tiết, khai giảng, trung thu, kỉ niệm ngày 20/11, 8/3, 20/10, 26/3 Hội khỏe phù đồng, khám sức khỏe ... - Chi hỗ trợ may đồng phục, trang phục cho cán bộ, giáo viên, nhân viên mức từ 500.000 đến 2.000.000đ/người. - Chi hỗ trợ các hoạt động văn hoá, thể thao, văn nghệ, giáo dục tuyên truyền các hoạt động, pháp luật, chi hỗ trợ CBGV, NV tham gia cùng học sinh đi trải nghiệm.... - Chi tiền hoá chất vệ sinh phòng dịch, tiền thuốc y tế, tiền khám bệnh định kì trong cơ quan. - Chi mua sắm trang thiết bị văn hóa, thể dục thể thao phục vụ, tổ chức phong trào cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. - Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham quan học tập, giao lưu kết nghĩa học tập thực tế (tùy theo số kinh phí nhà trường để hỗ trợ), thưởng khuyến khích con cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt học sinh giỏi, học sinh tiên tiến, thi đậu đại học hàng năm (mức chi từ 50.000đ đến 500.000đ/cháu). - Chi trợ cấp đột xuất cho cán bộ, giáo viên, nhân viên khi gặp khó khăn. - Chi hỗ trợ, bồi dưỡng CBGVNV làm thêm giờ : giáo viên dạy thay khi giáo viên đi học tập, công tác đột xuất (mức hỗ trợ không quá 100.000 đ/giờ làm thêm) - Tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện... - Mua dung dịch dưỡng cây: 10.000.000đ/năm. Bồi dưỡng trực hè gồm: Hiệu trưởng, hiệu phó, nhân viên văn phòng, bảo vệ - trực theo lịch phân công cụ thể về thời gian và số người/ca trực. Chi hỗ trợ 100.000 đ/người/ca trực.		77.574.000
---	--	--

	Hỗ trợ trực bão – Theo quyết định phân công cụ thể từng ca trực, buổi trực và mức độ con bão để phân công. Định mức trần ca trực ngày 100.000 đồng/người/ ca trực. Hỗ trợ trực Lễ, Tết – Theo quyết định phân công cụ thể từng ca trực, buổi trực và mức độ tình hình cụ thể. Định mức trần: 100.000 đồng/người/ca trực		
IV	Hỗ trợ cơ sở vật chất	7%	135.754.500
	- Chi sửa chữa cửa phòng học, bàn ghế, - Chi bảo trì, sửa chữa thay thế hệ thống máy tính, máy chiếu, ti vi, máy văn phòng; - Chi thuê mướn, dịch vụ; nấu nước, sửa đường điện, sửa chữa quạt điện, sửa chữa đường nước, gắn vá sân trường, nhà xe, cắt tỉa cây cảnh, thuê cắt trang trí khẩu hiệu, chi thuê bạt ngày khai giảng, 20/11, chuyên đề,.... - Chi sửa chữa nhỏ, mua sắm tài sản vật rẻ tiền mau hỏng; (Theo thực tế phát sinh). - Chi bồi dưỡng bảo vệ, CBGV trực ngày Lễ, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, Trục phòng chống bão, thiên tai,... mức chi từ 150.000 đến 300.000 đồng/ca/người. - Chi bồi dưỡng lao động, dọn vệ sinh tạo cảnh quan môi trường, ... mức chi từ 100.000 đến 200.000 đồng/buổi/người. - Chi thuê lao công dọn vệ sinh, thu gom rác thải		135.754.500
V	Chi nộp thuế TNDN	2%	38.787.000

4. Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu

Chi trả phí dịch vụ, mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ trực tiếp đến các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho học sinh, phòng chống dịch bệnh.

Làm băng zôn khẩu hiệu, pho to tài liệu tuyên truyền phòng chống dịch bệnh,

5. Tiền hỗ trợ bảo vệ trông coi xe

Dự kiến thu năm 2024: **123.750.000 đồng.**

Dự kiến chi: **123.750.000 đồng**

- + Chi 10% nộp thuế theo quy định của nhà nước: 12.375.000 đồng
- + Chi trả giáo viên tiếp thu 3%: 3.712.500 đồng
- + Chi bảo vệ trông coi xe 40%: 49.500.000 đồng
- + Chi công tác quản lý 17%: 21.037.500 đồng
- + Phần còn lại chi phúc lợi, sửa chữa, nâng cấp nhà xe: 37.125.000 đồng

6. Quỹ Vòng tay bè bạn:

Dự kiến thu năm 2024: **33.705.000 đồng.**

Dự kiến chi: **33.705.000 đồng**

- + Chi nộp Huyện đoàn 25%: 8.426.250 đồng
- + Chi chuyên đề Đội cấp Thành phố, cấp huyện: 25.278.750 đồng.
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn tổng phụ trách đội, cán bộ Đội, cán bộ Hội, phụ trách sao nhi đồng, trang bị tài liệu phục vụ hoạt động nghiệp vụ của đội;
- Chi các hoạt động, phong trào, chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thanh thiếu nhi như 26/3, 22/12..., chuyên đề công tác đội cấp huyện, cấp thành phố, chi thuê trang phục cho học sinh biểu diễn văn nghệ các đợt trong năm, chi kinh phí cho hoạt động câu lạc bộ yêu thích môn học, chi mua son phấn trang điểm cho học sinh, chi phí khác.

7. Tiền trông coi xe

Dự kiến thu năm 2024: **123.750.000 đồng.**

Dự kiến chi: **123.750.000 đồng**

- + Chi 10% nộp thuế theo quy định của nhà nước: 12.375.000 đồng
- + Chi trả giáo viên tiếp thu 3%: 3.712.500 đồng
- + Chi bảo vệ trông coi xe 40%: 49.500.000 đồng
- + Chi công tác quản lý 17%: 21.037.500 đồng
- + Phần còn lại chi phúc lợi, sửa chữa, nâng cấp nhà xe: 37.125.000 đồng

8. Chi quỹ Khuyến học

Chi theo nghị quyết đã đề ra của ban khuyến học nhà trường.

9. Chi tiền Kỹ năng sống

Học phí: nộp về công ty 90%: 161.784.000đ

Nộp về công ty 100% Kinh phí bản quyền phần mềm và học liệu: 44.940.000đ



Trích lại nhà trường 10% từ nguồn học học phí để chi công tác quản lý: 17.976.000đ

IV: Tổ chức thực hiện

Trên cơ sở dự toán thu chi, tổ chức việc huy động học sinh đóng góp theo kế hoạch. Thực hiện nghiêm túc việc chi theo dự toán, căn cứ vào tình hình thực tế có thể điều chỉnh theo kế hoạch./.



Vũ Văn Tiến

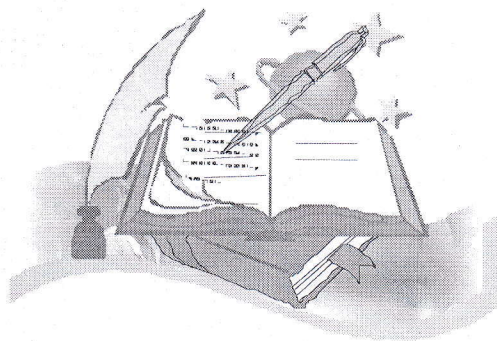
Người lập

Phạm Thị Thúy Lộc

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**



**QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ
NĂM 2024**



Số: 26A/QĐ-THCS

Tây Hưng, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; Quản lý và sử dụng tài sản công.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HUNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế quyền tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Thực hiện Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn việc lập dự toán quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức;

Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;



Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ;

Căn cứ luật số: 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022 của Quốc hội về luật thi đua, khen thưởng

Căn cứ Thông tư số: 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng đối với ngành giáo dục.

Căn cứ Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 Quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;

Căn cứ công văn số 3369/SGDĐT-KHTC ngày 29/11/2023 của Sở GD và ĐT Hải Phòng hướng dẫn học phí năm học 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định 31/2020/QĐ-UBND về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Căn cứ nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND thành phố quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC và người hoạt động không chuyên trách thành phố Hải Phòng.

Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ Quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của UBND thành phố về việc thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các

dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT Hải Phòng và Sở Tài chính Hải Phòng Hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện về việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn huyện Tiên Lãng;

Căn cứ Công văn số 2368/SGDDĐT-KHTC ngày 31/8/2023 của Sở GD và ĐT Hải Phòng về việc thực hiện thu học phí, các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 3369/SGDDĐT-KHTC ngày 29/11/2023 Sở GD và ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn học phí năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ TT liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ;

Căn cứ nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND thành phố Hải Phòng ban hành quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại hải phòng; chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại hải phòng và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND thành phố Hải Phòng ngày 17/7/2018 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND huyện Tiên Lãng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5288/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 5379/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Tiên Lãng năm 2024;

Căn cứ Công văn số 20/TB -TCKH ngày 08/01/2024 thông báo về dự toán chi ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) và dự toán thu học phí năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1741/BHXXH-QLTST ngày 19/07/2023 Của BHXXH Thành phố Hải Phòng về việc triển khai công tác thu bảo hiểm y tế học sinh sinh viên năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 2113/BHXXH-QLTST ngày 07/09/2023 của BHXXH Thành phố Hải Phòng về việc phối hợp triển khai thực hiện BHYT học sinh sinh viên năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 390/GDĐT ngày 14/09/2023 của Phòng GD và ĐT huyện Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2023-2024;

Căn cứ thông báo số 16/TB-SNV ngày 18/01/2024 của Sở Nội vụ Hải Phòng thông báo biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tiên Lãng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý.

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/09/2023 của Huyện đoàn - Phòng GD &ĐT huyện Tiên Lãng hướng dẫn triển khai phong trào “kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027;

Căn cứ công văn số 132-CV/ĐTN ngày 30/10/2023 của BCH Đoàn huyện Tiên Lãng về tham gia quỹ vòng tay bè bạn năm học 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDDT-STC ngày 25/01/2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng trường THCS Đông Tây Hưng ngày 26/01/2024 về việc thông qua quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện chế độ tự chủ, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và sử dụng tài sản công năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: "*Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; quản lý và sử dụng tài sản công*"

Quy chế gồm IV chương, 21 điều.

Điều 2. Tập thể lãnh đạo, Ban Chấp hành Công đoàn và các tổ chức đoàn thể, viên chức, lao động trường THCS Đông Tây Hưng có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*** Nơi nhận:**

- Phòng TCKH Huyện;
- Kho bạc nhà nước;
- Như điều 2: (thực hiện);
- Lưu: KT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Tiến

Số: 26B/QC-THCS

Tây Hưng, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUI CHẾ
CHI TIÊU NỘI BỘ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26A/QĐ-THCS ngày 26/01/2024
của trường THCS Đông Tây Hưng)

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

Trường THCS Đông Tây Hưng là một đơn vị sự nghiệp công lập ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm IV)

Quy chế chi tiêu nội bộ quy định về chế độ, tiêu chuẩn và định mức chi tiêu áp dụng thống nhất trong trường THCS Đông Tây Hưng

Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ nhằm các mục đích:

Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho Thủ trưởng đơn vị để thực hiện hoạt động thường xuyên theo nhiệm vụ được giao.

Là căn cứ để phân phối các khoản thu nhập cá nhân trong trường, công khai hoá chế độ phân phối thu nhập cá nhân để khuyến khích cán bộ, viên chức trong đơn vị chủ động và linh hoạt hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Là căn cứ để quản lý và thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị, thực hiện kiểm soát của kho bạc nhà nước và của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

Thực hiện công bằng trong phân phối thu nhập của trường.

Sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả.

Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tạo điều kiện tăng thu nhập cho người lao động.

Tạo sự công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, giảm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

Điều 2: Nguyên tắc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

Khi thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đơn vị phải hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thực hiện quyền tự chủ phải gắn với tự chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật về những quyết định của mình, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



Quy chế chi tiêu nội bộ gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu, chi thống nhất trong toàn trường, đảm bảo cho nhà trường và các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng các nguồn kinh phí chủ động, có hiệu quả và thống nhất trong công tác quản lý. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ, ưu tiên nguồn tài chính để thực hiện các chế độ có liên quan đến con người và các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo số lượng, chất lượng hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của nhà trường, tạo điều kiện từng bước tăng thu nhập cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên chức trong toàn trường.

Các tiêu chuẩn, định mức thu, chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ là căn cứ để Hiệu trưởng điều hành việc sử dụng, quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp của nhà trường.

Quy chế chi tiêu nội bộ là cơ sở pháp lý để Kho bạc nhà nước thực hiện việc kiểm soát chi và gửi cơ quan chủ quản để theo dõi, giám sát thực hiện.

Các tiêu chuẩn, định mức, nội dung chi nhà trường thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước.

Điều 3: Trách nhiệm của các thành viên trong nhà trường

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

Hiệu trưởng phụ trách chung các hoạt động tài chính của nhà trường, điều hành toàn bộ hoạt động tài chính của nhà trường, chịu trách nhiệm trước cấp trên về toàn bộ các hoạt động tài chính của nhà trường.

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Công khai các khoản thu chi của nhà trường.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong chi tiêu tài chính của nhà trường.

2. Trách nhiệm của kế toán

Tham mưu cho hiệu trưởng, giúp hiệu trưởng tổ chức điều hành thu chi tài chính, tài sản của nhà trường đảm bảo nguyên tắc và có hiệu quả.

Quản lý hồ sơ, chứng từ tài chính: Hồ sơ chứng từ hợp lý, rõ ràng, đúng nguyên tắc tài chính.

Đảm bảo chi trả đúng chính sách quy định.

Chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng, trước pháp luật về nguyên tắc, chế độ chi tiêu tài chính và tài sản của nhà trường.

3. Trách nhiệm của thủ quỹ

Quản lý tiền mặt của nhà trường, kiểm kê quỹ hàng tháng.

Thu tiền, chi tiền ra khi và chỉ khi có đầy đủ chứng từ, chữ ký duyệt chi hoặc tạm ứng của hiệu trưởng và kế toán.

Thu và chi phải có đủ chữ ký của người nộp hoặc lĩnh tiền.

4. Trách nhiệm của cán bộ, giáo viên phụ trách cơ sở vật chất

Cán bộ, giáo viên phụ trách cơ sở vật chất là người tham mưu, giúp hiệu trưởng những công việc về cơ sở vật chất của nhà trường.

Chủ động xây dựng kế hoạch, theo dõi, bám sát toàn bộ cơ sở vật chất nhằm đảm bảo an toàn cho thầy và trò, đáp ứng các nhu cầu tối thiểu trong phạm vi nhà trường có giúp cho hoạt động dạy và học của nhà trường đi lên.

Chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về chất lượng, nội dung công việc được giao, thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả mua sắm, sử dụng cơ sở vật chất trong nhà trường.

5. Trách nhiệm của giáo viên, nhân viên

Thu tiền và nộp tiền theo quy định, đầy đủ và đúng hạn.

Đóng góp ý kiến về chế độ chi tiêu hành chính, tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu nội bộ nhà trường.

Khi có nhu cầu chi tiền từ quỹ nhà trường phải có chứng từ đầy đủ, chữ ký duyệt chi của hiệu trưởng và kế toán. Lấy tiền từ thủ quỹ vào ngày quy định trong tuần.

6. Trách nhiệm của học sinh

Đóng góp đầy đủ, đúng hạn những khoản tiền phải nộp theo quy định; thực hiện nội quy của nhà trường và giữ gìn và bảo vệ tài sản, trang thiết bị.

7. Trách nhiệm của bảo vệ

Công tác bảo vệ cơ quan phải được đảm bảo thường xuyên 24 giờ/ngày.

Đảm bảo an ninh trường học, quản lý tài sản của nhà trường cũng như của CBGV, NV và học sinh trong trường.

Đảm bảo các quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy.

Phối hợp với công an xã để đảm bảo trật tự, an ninh, an toàn trong nhà trường.

Điều 4: Cơ sở pháp lý xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế quyền tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục

quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Thực hiện Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 31/12/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn việc lập dự toán quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức;

Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ;

Căn cứ luật số: 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022 của Quốc hội về luật thi đua, khen thưởng

Căn cứ Thông tư số: 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng đối với ngành giáo dục.

Căn cứ Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 Quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về dạy thêm, học thêm;

Căn cứ công văn số 3369/SGDDĐT-KHTC ngày 29/11/2023 của Sở GD và ĐT Hải Phòng hướng dẫn học phí năm học 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ

chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định 31/2020/QĐ-UBND về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Căn cứ nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND thành phố quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC, VC và người hoạt động không chuyên trách thành phố Hải Phòng.

Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ Quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của UBND thành phố về việc thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT Hải Phòng và Sở Tài chính Hải Phòng Hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1810/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện về việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn huyện Tiên Lãng;

Căn cứ Công văn số 2368/SGDĐT-KHTC ngày 31/8/2023 của Sở GD và ĐT Hải Phòng về việc thực hiện thu học phí, các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 3369/SGDĐT-KHTC ngày 29/11/2023 Sở GD và ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn học phí năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Căn cứ TT liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ;

Căn cứ nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND thành phố Hải Phòng ban hành quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại hải phòng; chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại hải phòng và chế độ tiếp khách trong nước;

Căn cứ nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND thành phố Hải Phòng ngày 17/7/2018 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND huyện Tiên Lãng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5288/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các cơ quan đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 5379/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Tiên Lãng năm 2024;

Căn cứ Công văn số 20/TB -TCKH ngày 08/01/2024 thông báo về dự toán chi ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) và dự toán thu học phí năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1741/BHXXH-QLTST ngày 19/07/2023 Của BHXXH Thành phố Hải Phòng về việc triển khai công tác thu bảo hiểm y tế học sinh sinh viên năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 2113/BHXXH-QLTST ngày 07/09/2023 của BHXXH THành phố Hải Phòng về việc phối hợp triển khai thực hiện BHYT học sinh sinh viên năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 390/GDĐT ngày 14/09/2023 của Phòng GD và ĐT huyện Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2023-2024;

Căn cứ thông báo số 16/TB-SNV ngày 18/01/2024 của Sở Nội vụ Hải Phòng thông báo biên chế công chức, số người làm việc, hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc huyện Tiên Lãng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý.

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/09/2023 của Huyện đoàn - Phòng GD &ĐT huyện Tiên Lãng hướng dẫn triển khai phong trào “kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027;

Căn cứ công văn số 132-CV/ĐTN ngày 30/10/2023 của BCH Đoàn huyện Tiên Lãng về tham gia quỹ vòng tay bè bạn năm học 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Chương II

NGUỒN KINH PHÍ CỦA ĐƠN VỊ

Điều 5: Các nguồn thu

Nguồn thu tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ.

Nhà trường quản lý thống nhất và toàn diện các nguồn thu bao gồm:

1. Kinh phí ngân sách Nhà nước cấp: 6.603.448.000 đồng.

Đầu quý I năm 2024 được UBND huyện phân bổ kinh phí dự toán chi ngân sách nhà nước là 6.603.448.000 đồng.

Trong đó:

1.1. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (mã nguồn 13)

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 19 Nghị định 60/2021 ngày 21 tháng 6 năm 2021, đơn vị sự nghiệp công được tự chủ quyết định các nội dung chi như sau:

1.1.1. Chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương: 4.545.855.000 đồng.

1.1.2. Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi lương và các khoản có tính chất lương: 1.024.741.000 đồng.

1.2. Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (mã nguồn 14)

Kinh phí tiền lương tính theo mức lương cơ sở 310.000 đồng tăng thêm: 1.032.852.000 đồng.

1.3. Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (nguồn 12)

UBND huyện sẽ cân đối bổ sung dự toán theo các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2024

2. Thu học phí

Căn cứ Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố quy định về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Công văn số 2368/SGDĐT-KHTC ngày 31/8/2023 của Sở GD và ĐT Hải Phòng về việc thực hiện thu học phí, các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 3369/SGDĐT-KHTC ngày 29/11/2023 Sở GD và ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn học phí năm học 2023 – 2024;

Căn cứ Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Năm học 2023 - 2024: (9 tháng)

+ Số học sinh: 749 học sinh

+ Mức thu: 62.000 đồng/tháng.

+ Dự kiến thu: 417.942.000 đồng

+ Số học sinh diện đối tượng chính sách được miễn, giảm: 15 em

3. Thu học thêm

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

* Học thêm:

- Học kỳ II năm học 2023 - 2024: (5 tháng)

- + Số học sinh: 749 học sinh
- + Số học sinh được miễn, giảm: 50 học sinh
- + Mức thu: 7.500đồng/1 tiết.

+ Dự kiến thu: 978.750.000 đồng

- Học kỳ I năm học 2024 - 2025: (4 tháng)

- + Số học sinh: 749 học sinh
- + Số học sinh được miễn, giảm: 50 học sinh
- + Mức thu: 7.500đồng/1 tiết.

+ Dự kiến thu: 783.000.000 đồng

* Ôn thi vào lớp 10:

- Năm học 2024 - 2025:

- + Số học sinh: 152 học sinh
- + Số học sinh được miễn, giảm: 10 học sinh
- + Mức thu: 7.500 đồng/tiết



+ Dự kiến thu: 4 tiết/buổi x 10 buổi/tuần x 4 tuần/tháng x 7.500 đồng/tiết = 1.200.000 đồng/học sinh.

Tổng dự thu: 142 học sinh x 1.200.000 đồng/học sinh = 176.600.000 đồng.

*** Tổng số dự kiến thu học thêm năm 2024: 1.939.350.000 đồng.**

4. Tiền trông coi xe học sinh

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở GD&ĐT Hải Phòng và Sở Tài chính Hải Phòng Hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

- Học kỳ II năm học 2023 - 2024: (5 tháng)

+ Số học sinh đi xe dự kiến: 550 xe/tháng

+ Mức thu: Xe đạp 25.000 đồng /tháng

+ Dự kiến thu: 68.750.000 đồng

- Học kỳ I năm học 2024 - 2025: (4 tháng)

+ Số học sinh đi xe dự kiến: 550 xe/tháng

+ Mức thu: Xe đạp 25.000 đồng /tháng

+ Dự kiến thu: 55.000.000 đồng

- Tổng số dự kiến thu năm 2024: 123.750.000 đồng.

5. Quỹ vòng tay bè bạn

Căn cứ kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/09/2023 của Huyện đoàn - Phòng GD &ĐT huyện Tiên Lãng hướng dẫn triển khai phong trào “kế hoạch nhỏ” giai đoạn 2023-2027;

Căn cứ công văn số 132-CV/ĐTN ngày 30/10/2023 của BCH Đoàn huyện Tiên Lãng về tham gia quỹ vòng tay bè bạn năm học 2023-2024. Quy đổi phết liệu bằng 5.000 đồng/ 1 học sinh/1tháng

Dự kiến thu:

+ Số học sinh: 749

+ Mức thu: 5.000 đồng /1 tháng

+ **Dự kiến thu năm 2024: 33.705.000 đồng.**

6. Các quỹ thu hộ - chi hộ

6.1: Nước uống học sinh:

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDDT-STC ngày 25/01/2024 về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng;

Mức thu: 10.000đ/1 học sinh/tháng

Dự thu 749 học sinh x 10.000 đồng x 9 tháng = 67.410.000 đồng

6.2: BHYT học sinh

Căn cứ Công văn số 1741/BHXXH-QLTST ngày 19/07/2023 Của BHXXH Thành phố Hải Phòng về việc triển khai công tác thu bảo hiểm y tế học sinh sinh viên năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 2113/BHXXH-QLTST ngày 07/09/2023 của BHXXH THành phố Hải Phòng về việc phối hợp triển khai thực hiện BHYT học sinh sinh viên năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 390/GDDT ngày 14/09/2023 của Phòng GD và ĐT huyện Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2023-2024;
Thu bảo hiểm y tế năm 2024: Dự kiến

+ Số học sinh: 749 học sinh

+ Số học sinh diện đối tượng chính sách, con bộ đội không phải mua: 28 thê.

+ Mức thu: 680.400 đồng/học sinh/năm.

+ Dự kiến thu: 490.568.400 đồng.

6.3: Quỹ khuyến học:

Vận động ủng hộ trực tiếp trên tinh thần tự nguyện trong buổi họp phụ huynh học sinh đầu năm học 2023 - 2024 theo Công văn hướng dẫn số 56/HDLN-HKH-SGD&ĐT ngày 01 tháng 12 năm 2016 và theo Kế hoạch hoạt động Ban khuyến học nhà trường.

6.4 Hoạt động kỹ năng sống.

- Căn cứ công văn số 1552/SGDDT - GDTX - CN&ĐH Về việc điều kiện liên kết dạy KNS của TT Trung tâm phát triển Giáo dục Quốc tế Gaia Hải Phòng với các đơn vị giáo dục trên địa bàn thành phố Hải Phòng ngày 21/07/2021.

- Căn cứ Báo cáo số 26/BC-GDDT ngày 11/4/2023 của Phòng giáo dục đào tạo huyện Tiên Lãng “Về việc triển khai hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường phổ thông trên địa bàn huyện của Trung tâm phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA Hải Phòng”

* Mức thu: 300.000đ/1 học sinh (Trong đó: Học phí: 240.000đ; Kinh phí bản quyền phần mềm: 60.000đ)

- Dự kiến thu: 749 học sinh x 300.000đ = 224.700.000đ

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ

A-CHI NGÂN SÁCH – HỌC PHÍ

Điều 6: Chi thanh toán cá nhân

1. Chi tiền lương (Mục 6000)

Tiền lương, tiền công cán bộ giáo viên, nhân viên hợp đồng lao động được hưởng theo tiền lương ngạch bậc do nhà nước quy định = hệ số lương x mức lương tối thiểu.

2. Chi các khoản phụ cấp (Mục 6100)

a. Phụ cấp chức vụ: Thực hiện theo Thông tư số 33/2005/TT-BGDĐT ngày 08/02/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Hiệu trưởng hệ số: 0,45
- Phó hiệu trưởng hệ số: 0,35
- Tổ trưởng hệ số: 0,20
- Tổ phó hệ số: 0,15

b. Phụ cấp trách nhiệm:

- Giáo viên Tổng phụ trách hệ số: 0,20
- Kế toán trưởng hệ số: 0,10

c. Phụ cấp thêm giờ:

- Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên chỉ được tính thêm giờ kiêm nhiệm không quá 2 chức vụ, số giờ làm thêm không quá 200 giờ/năm.

- Kinh phí chi trả thêm giờ tùy theo điều kiện tình hình nguồn kinh phí của đơn vị quyết định.

- **Thanh toán tiền làm thêm giờ đối với bộ phận hành chính của đơn vị và làm thêm giờ đối với giáo viên thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, không thường xuyên do Thủ trưởng phân công:** Làm thêm giờ trong ngày thường, ngày nghỉ hàng tuần, ngày lễ, tết được thanh toán quy định hiện hành của nhà nước (theo Bộ luật lao động 2019 ngày 01/01/2021).

- **Thanh toán tiền dạy vượt giờ của giáo viên:**

+ Chỉ thanh toán tiền lương dạy thêm giờ ở đơn vị hoặc bộ môn thiếu số lượng nhà giáo do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đơn vị hoặc bộ môn không thiếu nhà giáo thì chỉ được thanh toán tiền lương dạy thêm giờ khi có nhà giáo nghỉ ốm, nghỉ thai sản theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đi học tập, bồi dưỡng, tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra và tham gia những công việc khác (sau đây gọi chung là đi làm nhiệm vụ khác) do cấp có thẩm quyền phân công, điều động phải bố trí nhà giáo khác dạy thay.

+ Chỉ thanh toán tiền lương dạy thêm giờ cho đối tượng giáo viên biên chế, hợp đồng do UBND huyện ra Thông báo ký kết. Không thanh toán cho giáo viên hợp đồng trường.

+ Tổng số giờ dạy vượt định mức đối với Khối THCS: Trung bình tiết dạy là 45 phút/tiết, số tiết dạy thêm không vượt quá 200 tiết dạy/năm.

+ Đơn giá tiết dạy: Theo Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC thì:

Tiền lương của một tháng làm căn cứ tính trả tiền lương dạy thêm giờ của nhà giáo, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc hiện hưởng, các khoản phụ cấp lương và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có).

Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = số giờ dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 giờ dạy thêm x 150%.

Tiền lương 01 giờ dạy thêm = Tiền lương 01 giờ dạy x 150%;

Tiền lương 01 giờ dạy:

Đối với giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp và giáo viên, giảng viên cơ sở dạy nghề:

$$\text{Tiền lương 1 giờ dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức giờ dạy/năm}} \times \frac{\text{Số tuần dành cho giảng dạy (dạy trẻ)}}{52 \text{ tuần}}$$

Do trường thiếu nhiều giáo viên, số tiết thừa giờ nhiều, kinh phí không cho phép chi đơn giá tiết dạy theo Theo Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC nên nhà trường dự kiến chi 99.758 đồng/1 tiết

Dự kiến số tiết thừa giờ học kỳ 2 năm học 2023-2024: 2.250 tiết

Dự kiến số tiết thừa giờ học kỳ 1 năm học 2024-2025: 2.500 tiết

Tổng số tiền dự kiến chi vượt giờ năm 2024: 473.850.500 đồng

Trong đó:

- Dự kiến Nguồn Ngân sách cấp theo số 06 giáo viên thiếu là: 328.536.000 đồng
- Dự kiến nguồn chi thường xuyên (nguồn 13) nhà trường chi: 145.314.500 đồng.

Giáo viên kiêm nhiệm: Theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT.

- Giáo viên kiêm nhiệm Chủ tịch công đoàn được tính 3 tiết/tuần(được hưởng trong 3 tháng hè).
- Giáo viên kiêm nhiệm Trưởng ban thanh tra nhân dân được tính 2 tiết/tuần (được hưởng trong 01 tháng hè).
- Con nhỏ dưới 12 tháng được giảm 3 tiết/tuần.
- Giáo viên kiêm nhiệm thủ quỹ được tính 2 tiết/tuần.
- Giáo viên kiêm làm thư ký hội đồng trường được giảm 2 tiết/tuần.
- Ngoài ra giáo viên dạy thay cho giáo viên đi học, đi công tác, nghỉ ốm đau, thai sản được Ban giám hiệu phân công thì được tính thêm giờ theo thực tế tiết dạy.

d. Phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên

Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 01/2006 TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 hướng dẫn về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập”.

Người được hưởng phụ cấp ưu đãi là cán bộ quản lý, giáo viên đang trực tiếp giảng dạy.

Định mức được hưởng PC ưu đãi được tính bằng công thức sau:

$(\text{Hệ số lương ngạch bậc} + \text{PCTNVK} + \text{PCCV}) \times 30\% \times \text{mức lương cơ sở}$

- Những trường hợp sau đây không được hưởng phụ cấp ưu đãi:

- + Giáo viên đi học dài hạn, công tác trong và ngoài nước trên 3 tháng.
- + Giáo viên nghỉ ốm, nghỉ thai sản vượt quá quy định bộ luật lao động thì không được hưởng phụ cấp ưu đãi trong thời gian nghỉ vượt quy định.
- + Nghỉ việc riêng 01 tháng liên tục trở lên không tham gia giảng dạy không được hưởng phụ cấp ưu đãi.

+ Giáo viên bị đình chỉ giảng dạy, trong thời gian bị đình chỉ không được hưởng phụ cấp ưu đãi.

e. Phụ cấp thâm niên đối với giáo viên

Thực hiện theo nghị định số: 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo

Phụ cấp thâm niên nhà giáo được hưởng theo hệ số đã được phòng nội vụ xét duyệt và được tính bằng công thức sau:

Mức tiền phụ cấp thâm niên =	Hệ số lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức công hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hiện hưởng	Mức lương cơ sở do Chính phủ quy định ^x từng thời kỳ	Mức (%) phụ cấp thâm niên được hưởng
------------------------------	--	---	--------------------------------------

3. Chi tiền thưởng (Mục 6200)

Căn cứ luật số: 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022 của Quốc hội về luật thi đua, khen thưởng

Căn cứ Thông tư số: 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng đối với ngành giáo dục.

Căn cứ nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 09/05/2023 của Chủ tịch UBND Huyện Tiên Lãng về việc uỷ quyền cho Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân là viên chức (không bao gồm viên chức lãnh đạo) và người lao động thuộc đơn vị quản lý.

Kinh phí chi thưởng cho danh hiệu: Chiến sĩ thi đua cơ sở, lao động tiên tiến là giáo viên, nhân viên, người lao động của nhà trường - Sẽ do trường tự cân đối kinh phí chi thưởng:

- Mức chi khen thưởng cho danh hiệu lao động tiên tiến = 0,3 x mức lương cơ sở.

- Mức chi khen thưởng cho danh hiệu CSTĐ cơ sở = 01 lần mức lương cơ sở.

4. Chi phúc lợi tập thể

- Chi mua chè, nước cơ quan dự kiến 2.000.000 đồng/ 01 tháng

- Chi hỗ trợ CBGV đi học tập trải nghiệm thực tế: Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/người/năm.

- Chi hỗ trợ may đồng phục cho CBGV, NV từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/người/năm.

- Chi hỗ trợ các ngày Lễ (giỗ tổ, 30/4-01/5, 02/9), Tết, ngày 08/3, 20/10 cho CBGV, NV từ 200.000 đồng đến 2.000.000 đồng/người/ngày.

- Chi mua phân bón, dung dịch dưỡng cây xanh: 20.000.000 đồng/năm

- Hỗ trợ trực bảo – Theo quyết định phân công cụ thể từng ca trực, buổi trực và mức độ cơn bão để phân công. Định mức trần ca trực ngày 100.000 đồng/người/ca trực.

- Hỗ trợ trực Lễ, Tết – Theo quyết định phân công cụ thể từng ca trực, buổi trực và mức độ tình hình cụ thể. Định mức trần: 100.000 đồng/người/ca trực

5. Các khoản đóng góp (Mục 6300)

- Từ ngày 01/01/2019 tỷ lệ người lao động đóng BHXH là 8%, BHYT là 1.5% và BHTN là 1% mức tiền công và tiền lương tháng. Trong đó người sử dụng lao động đóng 17% BHXH; 3% BHYT; 1% BH thất nghiệp; 0,5% BHTNLĐ-BNN.

- Tỷ lệ KPCĐ người sử dụng lao động đóng: 2% kinh phí Công đoàn.

- Các khoản đóng góp trên theo mức lương và phụ cấp chức vụ của từng lao động biên chế và hợp đồng trong quỹ lương hưởng hàng tháng.

6. Các khoản thanh toán cho cá nhân (6400)

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý;

Thu nhập bình quân tăng thêm được thực hiện trên cơ sở hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị. Việc đánh giá hiệu quả công việc căn cứ theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan.

Mức chi trả thu nhập bình quân tăng thêm được tính theo lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo. Thực hiện theo 02 mức:

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: hệ số 0.6

+ Hoàn thành nhiệm vụ: hệ số 0.4

- Chi hỗ trợ giáo viên dạy thể dục ngoài trời: 18.000 đồng/ 1 tiết

- Bồi dưỡng thi giáo viên giỏi – Định mức trần 500.000đồng/ người/đợt

- Bồi dưỡng lao động ngày chủ nhật: Do nguồn kinh phí hạn hẹp nên không đủ kinh phí thanh toán tiền làm thêm giờ cho tất cả giáo viên, nhân viên nên nhà trường thống nhất mức chi: từ 100.000 đến 200.000 đồng/người/buổi

- Bồi dưỡng HĐ tuyển sinh, bồi dưỡng HĐ xét tốt nghiệp thực hiện mức chi theo công văn 1607/UBND-VX ngày 02/4/2018 của UBND thành phố Hải Phòng:

Chi phụ cấp trách nhiệm hội đồng:

- + Chủ tịch hội đồng: 240.000 đồng/ người/ ngày
- + Phó chủ tịch hội đồng: 200.000 đồng/ người/ ngày
- + Ủy viên, thư ký: 170.000 đồng/ người/ ngày
- + Nhân viên phục vụ: 90.000 đồng/ người/ ngày
- + Tổng hợp, xét duyệt kết quả: 135.000 đồng/ người/ ngày

Điều 7: Quy định về các khoản chi quản lý hành chính

1. Thanh toán dịch vụ công cộng (Mục 6500)

Sử dụng điện, nước, nhiên liệu trên nguyên tắc tiết kiệm theo Luật số: 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013 thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Quốc hội: Đối với công sở, trường học, xưởng thực tập phải tắt các các thiết bị dùng điện không cần thiết khi đi ra khỏi phòng làm việc, cắt nguồn điện khi không sử dụng các thiết bị, tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên, tắt bớt đèn chiếu sáng khi số người trong phòng giảm, chỉ sử dụng điều hoà khi thật cần thiết và chỉ để ở chế độ làm mát.

- Chi tiền điện thấp sáng, nước sạch: Thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh hàng tháng trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.
- Vận chuyển thu gom rác: 1.500.000 đồng/ tháng.
- Phun thuốc muỗi: 30.000.000đ/đợt (2 đợt/ năm)
- Hút bể phốt: 20.000.000đ/đợt/năm
- Diệt mối, mua men xử lý bể phốt, bột thông cống, chế phẩm xử lý rác thải, nước tẩy sàn nhà... 50.000.000 đ/năm

2. Chi vật tư văn phòng (Mục 6550).

- Văn phòng phẩm: giấy in, giấy phô tô, mực in, cặp đựng tài liệu, ... Định mức chi tối đa: 5.000.000 đồng/tháng.

- Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng: Định mức chi tối đa 10.000.000 đồng/ tháng.
- Mua sắm vật tư văn phòng khác. Định mức chi 6.000.000 đồng/tháng.
- Khoán văn phòng phẩm giáo viên: 50.000đồng/01 tháng/01 giáo viên.

Chi theo học kỳ: học kì 1: 05 tháng, học kì 2: 04 tháng



3. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc (Mục 6600)

- *Cước điện thoại trong nước*: Thanh toán theo hóa đơn thực tế

* *Cước phí bưu chính*: Gồm Bì thư, tem công văn: Được chi trả theo thực tế đã sử dụng.

* *Sách báo, tạp chí thư viện*:

Về sách, tạp chí: Chi đặt mua theo thực tế trên cơ sở có chọn lọc, thiết thực, phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên, của hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường. Hiệu trưởng quyết định mua và duyệt chi.

Mức chi: Mỗi quý đặt chi theo giá báo hiện hành của Bưu điện: Dự kiến từ 350.000 đến 500.000 đồng/tháng.

* *Cước phí truy cập mạng Internet, thư viện điện tử*:

Định mức chi: Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

* *Website*: Tiếp tục duy trì và quản lý trang web của trường. Thuê tên miền, hosting hàng năm; cải tiến giao diện theo nhu cầu sử dụng, nâng cấp web... tùy theo yêu cầu thực tế, Hiệu trưởng quyết định và duyệt chi theo hợp đồng ký kết.

4. Chi hội nghị (Mục 6650)

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND thành phố Hải Phòng quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương.

- Tiền nước cho đại biểu: 20.000 đồng/người/1 buổi;

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước cấp, không hưởng lương doanh nghiệp mức chi hỗ trợ tiền ăn là: 100.000 đồng/ngày/đại biểu

- Chi phục vụ, khánh tiết, chi khác: Chi thuê phong bật, âm thanh loa máy theo thực tế phát sinh theo giá cả từng thời điểm thực tế.

5. Chi tiếp khách:

Tiếp khách theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2018 và căn cứ nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại hải phòng; chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại hải phòng và chế độ tiếp khách trong nước dựa trên nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm và thật cần thiết.

Mức chi cụ thể:

- *Chi giải khát*: 30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người

- *Chi mời cơm*: 300.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống)

6. Chi công tác phí (Mục 6700)

Thực hiện theo thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính Thông tư quy định chế công tác phí, chế độ chi hội nghị.

6.1. Thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện và phụ cấp công tác phí:

- Khoản tiền tự túc phương tiện đi công tác: Đối với cán bộ, công chức viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoản phương tiện tự túc bằng 0.2lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác.

+ Đối với khoảng cách trên 15km: 0.2 lít xăng/km tại thời điểm đi công tác.

- Phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác).

+ Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác không quá 200.000 đồng/ngày.

6.2. Thanh toán khoản tiền công tác phí theo tháng

Nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ đạt hiệu quả, tiết kiệm thời gian, khoản công tác phí cho CB-NV thường xuyên đi công tác trên 10 ngày/tháng, mức khoản cụ thể:

- Hiệu trưởng: 500.000 đồng /tháng
- Phó hiệu trưởng: 300.000 đồng /tháng
- Kế toán: 500.000 đồng /tháng
- Thủ quỹ : 300.000 đồng /tháng
- Văn thư : 300.000 đồng /tháng

6.3 Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

1.Nguyên tắc thanh toán tiền thuê phòng nghỉ nơi đến công tác:

a) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cơ quan, đơn vị cử đi công tác khi phát sinh việc thuê phòng nghỉ nơi đến công tác thì được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo một trong hai hình thức: Thanh toán theo hình thức khoán hoặc thanh toán theo hóa đơn thực tế;

b) Trường hợp người đi công tác được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền, thì người đi công tác không được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ. Trường hợp phát hiện người đi công tác đã được cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phòng nghỉ không phải trả tiền nhưng vẫn đề nghị cơ quan, đơn vị cử đi công tác thanh toán tiền thuê phòng nghỉ, thì người đi công tác phải nộp lại số tiền đã được thanh toán cho cơ quan, đơn vị đồng thời phải bị xử lý kỷ

luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Thanh toán theo hình thức khoán:

- Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh, mức khoán: 450.000 đồng/ngày/người.
- Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh, mức khoán: 350.000 đồng/ngày/người.
- Đi công tác tại các vùng còn lại, mức khoán: 300.000 đồng/ngày/người

3. Thanh toán theo hoá đơn thực tế:

- a) Đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.
- b) Đi công tác tại các vùng còn lại: Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.
- c) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới, thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng);
- d) Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn 1 người/phòng, thì người đi công tác được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 2 người/phòng;
- e) Các mức chi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại khoản này là mức chi đã bao gồm các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoán tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.

7. Chi phí thuê mướn (Mục 6750)

Bao gồm thuê mướn làm vệ sinh môi trường, vận chuyển tài sản, trang thiết bị thanh toán theo nhu cầu thực tế, nhưng phải thật sự cần thiết. Do trường có 02 cơ sở, nên mỗi cơ sở sẽ bao gồm các nội dung thuê mướn như sau:

- Thuê 01 lao công dọn văn phòng, dọn nhà vệ sinh: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thuê 01 lao công quét sân trường: 3.000.000 đồng/tháng
- Thuê 01 lao công cắt cỏ quanh khuôn viên trường: 3.000.000 đồng/tháng
- Thuê 01 bảo vệ đêm: 1.500.000 đồng/tháng.
- Thuê 01 lao công cắt tỉa cây cảnh: 1.500.000 đồng/tháng.
- Thuê 01 lao động thu gom rác thải: 1.000.000 đồng/ 1 tháng
- Thuê công nhật làm những công việc cần thiết khi phát sinh theo giá thị trường.
- Thuê khoán công việc khi phát sinh cần thiết thanh toán theo hợp đồng thỏa thuận giữa 2 bên như: Bảo dưỡng thiết bị điện, đánh giấy ráp, lau chùi cửa, cắt tỉa cây, trồng cây...
- Thuê mướn khác: 30.000.000 đồng/năm

Điều 8: Chi mua sắm, sửa chữa tài sản

1. Chi sửa chữa tài sản (Mục 6900)

Nhằm bảo quản, sử dụng tài sản có hiệu quả mỗi cán bộ, giáo viên phải có tinh thần trách nhiệm không để tài sản hư hỏng, mất mát do chủ quan, khi phát hiện tài sản có hiện tượng hư hỏng xuống cấp phải báo ngay cho hiệu trưởng để kịp thời xử lý.

- Chi sửa chữa, nâng cấp hệ thống mạng: 30.000.000 đồng/năm
- Chi sửa chữa bàn ghế học sinh: 50.000.000 đồng/năm
- Chi sửa chữa hệ thống điện: 40.000.000 đồng/năm
- Chi sửa chữa hệ thống cấp thoát nước: 40.000.000 đồng;
- Chi sửa chữa phòng học: 30.000.000 đồng;
- Chi sửa chữa bàn ghế văn phòng: 20.000.000 đồng;
- Chi sửa chữa máy móc như: máy vi tính, máy in, ti vi, máy chiếu, đầu đài, âm ly,: 50.000.000 đồng;
- Chi sửa chữa sân trường, nhà xe, nhà vệ sinh, bồn hoa, cổng trường, tường bao, bảng tin, cột cờ, hệ thống chống sét, sân khấu, nhà kho, cửa phòng khu hiệu bộ... 150.000.000 đồng;

Nội dung sửa chữa thường xuyên chi theo thực tế phát sinh bao gồm cơ sở hạ tầng, phòng học, máy móc thiết bị phục vụ cho quản lý hành chính và giảng

dạy, các công trình phụ khác của trường, khi có yêu cầu sửa chữa, phải có giấy báo hỏng và đề nghị sửa chữa của bộ phận, cá nhân được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị; trình hiệu trưởng xem xét quyết định.

2. Chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn (Mục 6950)

Chi mua tài sản và thiết bị chuyên dung, tài sản và thiết bị văn phòng, thiết bị công nghệ thông tin, tài sản và thiết bị khác.

Chi mua sắm tài sản khi có nhu cầu thật cần thiết với tinh thần tiết kiệm. Khi mua sắm tài sản có giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên cho một tài sản hoặc các trang thiết bị có số lượng nhiều mà tổng giá trị từ 10.000.000 đồng trở lên phải được có Chứng thư thẩm định giá;

- Mua sắm bổ sung bàn ghế học sinh, bảng, bàn ghế giáo viên do bàn ghế hư hỏng, tặng học sinh, tặng lớp năm học 2024 – 2025: 80.000.000 đồng.

- Mua bổ sung một số thiết bị, ninh kiện máy tính, máy chiếu, máy in, thiết bị phòng cháy chữa cháy...: 50.000.000 đồng

- Mua ti vi các phòng học

- Mua điều hòa

- Mua máy vi tính phòng học sinh

- Mua camera

Điều 9: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (Mục 7000)

- Chi mua hàng hoá vật tư dùng cho chuyên môn, phục vụ cho việc giảng dạy chi theo thực tế phát sinh.

- Chi in ấn, phô tô tài liệu: Sổ điểm, sổ đầu bài.... ấn chỉ chi theo thực tế sử dụng.

- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn:

- +) Khai giảng – Định mức trần 20.000.000/hoạt động

- +) Bế giảng, ra trường – Định mức trần 15.000.000/ hoạt động

- +) Chuyên đề – Định mức trần 20.000.000/ hoạt động

- +) Thi cấp trường – Định mức trần 10.000.000/ hoạt động

Chi mua đồ dùng dạy học các môn toán, lý, hóa, sinh, TD, công nghệ, địa lý, ...theo nhu cầu thực tế phát sinh.

- Mua sách, tài liệu dùng cho chuyên môn theo thực tế phát sinh.

- Chi cho các cuộc hội thảo, chuyên đề, thi học sinh giỏi, giáo viên giỏi, thanh tra kiểm tra

- Mua mẫu vật thực hành học sinh giỏi:

- Mua bọc đệm, cầu lông, giấy đá, lưới, ... cho học sinh thi thể dục thể thao

- Chi cho trang trí lớp như khẩu hiệu, ảnh bác, ... theo nhu cầu thực tế phát sinh.

- Chi giáo viên dạy thể dục ngoài trời căn cứ Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012:

+ Đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao dạy chuyên trách môn thể dục, thể thao được cấp 02 bộ quần áo thể thao dài tay/năm, 02 đôi giày thể thao/năm, 04 đôi tất thể thao/năm, 04 áo thể thao ngắn tay/năm: Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

* Mua bảo hộ cho bảo vệ gồm: 02 bộ mùa hè, 02 bộ mùa đông, đèn pin, ủng, áo mưa...

Điều 10: Chi khác (Mục 7750)

- Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn: ngày 20/11; 22/12...
- Chi chuyển lệ phí chi lương, các loại phí khác phát sinh theo nhu cầu thực tế sử dụng.
- Chi cho các hoạt động ngoại khóa: Hội khỏe Phù Đổng, Festival ngoại ngữ, phòng chống ma túy học đường
- Chi giải thưởng các phong trào văn nghệ, thể thao, các hoạt động ngoại khóa...

B-CHI NGUỒN KHÁC

Điều 11: Quỹ BHYT học sinh

Dự kiến chi: nộp 100% số thu cho bảo hiểm mua thẻ cho học sinh.

Điều 12. Chi học thêm, ôn thi vào 10

Stt	Nội dung chi	Tỷ lệ	Dự chi
I	Chi trực tiếp cho giáo viên dạy	70%	1.357.545.000
1	Giáo viên dạy;	66%	1.279.971.000
2	Công tác chủ nhiệm lớp;	4%	77.574.000
II	Công tác quản lý	17%	329.689.500
1	Quản lý quỹ tại trường: (BGH, KT, TQ, BV, PV); <u>Trong đó:</u> Hiệu trưởng: 02 Phó hiệu trưởng: Kế toán:	5% 8% 2,5%	

	Thủ quỹ:	1,5%	
III	Quỹ phúc lợi	4%	77.574.000
	- Chi Trợ cấp khó khăn đột xuất, hỗ trợ tiền khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: Hiệu trưởng ra quyết định dựa trên cơ sở tổ chức công đoàn đề nghị quyết định chi phù hợp với từng hoàn cảnh, đối tượng và phù hợp với điều kiện ngân sách của nhà trường. - Tiền chè, nước uống cho cán bộ giáo viên nhân viên tùy theo điều kiện thực tế của đơn vị. - Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn, khai giảng năm học, Tết Nguyên đán, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, 8/3, 20/10, 26/3..... mức chi từ 100.000 đến 2.000.000 đồng/người. - Chi chuẩn bị cho các hoạt động ngoại khóa, khánh tiết, khai giảng, trung thu, kỉ niệm ngày 20/11, 8/3, 20/10, 26/3 Hội khỏe phù đồng, khám sức khỏe ... - Chi hỗ trợ may đồng phục, trang phục cho cán bộ, giáo viên, nhân viên mức từ 500.000 đến 2.000.000đ/người. - Chi hỗ trợ các hoạt động văn hoá, thể thao, văn nghệ, giáo dục tuyên truyền các hoạt động, pháp luật, chi hỗ trợ CBGV, NV tham gia cùng học sinh đi trải nghiệm.... - Chi tiền hoá chất vệ sinh phòng dịch, tiền thuốc y tế, tiền khám bệnh định kì trong cơ quan. - Chi mua sắm trang thiết bị văn hóa, thể dục thể thao phục vụ, tổ chức phong trào cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. - Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham quan học tập, giao lưu kết nghĩa học tập thực tế (tùy theo số kinh phí nhà trường để hỗ trợ), thưởng khuyến khích con cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt học sinh giỏi, học sinh tiên tiến, thi đấu đại học hàng năm (mức chi		77.574.000

	từ 50.000đ đến 500.000đ/cháu). - Chi trợ cấp đột xuất cho cán bộ, giáo viên, nhân viên khi gặp khó khăn. - Chi hỗ trợ, bồi dưỡng CBGVNV làm thêm giờ : giáo viên dạy thay khi giáo viên đi học tập, công tác đột xuất (mức hỗ trợ không quá 100.000 đ/giờ làm thêm) - Tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện... - Mua dung dịch dưỡng cây: 10.000.000đ/năm. Bồi dưỡng trực hè gồm: Hiệu trưởng, hiệu phó, nhân viên văn phòng, bảo vệ - trực theo lịch phân công cụ thể về thời gian và số người/ca trực. Chi hỗ trợ 100.000 đ/người/ca trực. Hỗ trợ trực bão – Theo quyết định phân công cụ thể từng ca trực, buổi trực và mức độ cơn bão để phân công. Định mức trần ca trực ngày 100.000 đồng/người/ ca trực. Hỗ trợ trực Lễ, Tết – Theo quyết định phân công cụ thể từng ca trực, buổi trực và mức độ tình hình cụ thể. Định mức trần: 100.000 đồng/người/ca trực		
IV	Hỗ trợ cơ sở vật chất	7%	135.754.500
	- Chi sửa chữa cửa phòng học, bàn ghế, - Chi bảo trì, sửa chữa thay thế hệ thống máy tính, máy chiếu, ti vi, máy văn phòng; - Chi thuê mướn, dịch vụ; nấu nước, sửa đường điện, sửa chữa quạt điện, sửa chữa đường nước, gắn vá sân trường, nhà xe, cắt tỉa cây cảnh, thuê cắt trang trí khẩu hiệu, chi thuê bạt ngày khai giảng, 20/11, chuyên đề,.... - Chi sửa chữa nhỏ, mua sắm tài sản vật rẻ tiền mau hỏng; (Theo thực tế phát sinh). - Chi bồi dưỡng bảo vệ, CBGV trực ngày Lễ, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, Trục phòng chống bão, thiên tai,... mức chi từ 150.000		 135.754.500 

	đến 300.000 đồng/ca/người. - Chi bồi dưỡng lao động, dọn vệ sinh tạo cảnh quan môi trường, ... mức chi từ 100.000 đến 200.000 đồng/buổi/người. - Chi thuê lao công dọn vệ sinh, thu gom rác thải		
V	Chi nộp thuế TNDN	2%	38.787.000

Điều 13: Tiền trông coi xe

Dự kiến thu năm 2024: **123.750.000 đồng.**

Dự kiến chi: **123.750.000 đồng**

- + Chi 10% nộp thuế theo quy định của nhà nước: 12.375.000 đồng
- + Chi trả giáo viên tiếp thu 3%: 3.712.500 đồng
- + Chi bảo vệ trông coi xe 40%: 49.500.000 đồng
- + Chi công tác quản lý 17%: 21.037.500 đồng
- + Phần còn lại chi phúc lợi, sửa chữa, nâng cấp nhà xe: 37.125.000 đồng

Điều 14: Quỹ Vòng tay bè bạn

Dự kiến thu năm 2024: **33.705.000 đồng.**

Dự kiến chi: **33.705.000 đồng**

- + Chi nộp Huyện đoàn 25%: 8.426.250 đồng
- + Chi chuyên đề Đội cấp Thành phố, cấp huyện: 25.278.750 đồng.

Điều 15. Chi quỹ Khuyến học

Chi theo nghị quyết đã đề ra của ban khuyến học nhà trường.

Điều 16. Chi tiền Kỹ năng sống

Học phí: nộp về công ty 90%: 161.784.000đ

Nộp về công ty 100% Kinh phí bản quyền phần mềm và học liệu: 44.940.000đ

Trích lại nhà trường 10% từ nguồn học học phí để chi công tác quản lý: 17.976.000đ

C - PHÂN PHỐI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH TRONG NĂM

Điều 17: Phân phối kết quả tài chính trong năm

Thực hiện theo điều 22 nghị định 60/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập:

1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền

lương theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 20 Nghị định này, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được xác định là kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được.

2. Đơn vị sử dụng số kinh phí tiết kiệm được theo thứ tự như sau:

a) Bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động: Đơn vị chi thu nhập bình quân tăng thêm cho viên chức, người lao động tối đa không quá 0,3 lần quỹ tiền lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người.

b) Chi khen thưởng và phúc lợi:

Chi khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân trong đơn vị theo kết quả công tác và thành tích đóng góp.

+ Chi hỗ trợ CBGV NV đi học tập thực tế

+ Chi mua chè nước cơ quan

+ Chi hỗ trợ đồng phục cho CBGV NV

+ Chi hỗ trợ các ngày Lễ, Tết

+ Chi hỗ trợ trực bảo

+ Chi mua phân bón, dung dịch dưỡng cây xanh....

c) Khi xét thấy khả năng tiết kiệm kinh phí không ổn định, đơn vị có thể trích lập quỹ dự phòng để ổn định thu nhập cho viên chức, người lao động.

Số kinh phí tiết kiệm được, cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

3. Thủ trưởng đơn vị quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

Điều 18: Quy định hỗ trợ hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong đơn vị như hoạt động của Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh Niên, Hội đồng đội V.v..

+ Hỗ trợ công đoàn:

- Hỗ trợ tổ chức ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 : 100.000/người/đợt

- Hỗ trợ quà cho con công đoàn viên nhân ngày quốc tế thiếu nhi 1/6: 100.000đ/cháu

- Hỗ trợ tổ chức ngày phụ nữ việt Nam 20/10: 100.000đ/người
- Chi hỗ trợ công đoàn viên đạt giờ dạy tốt nhân ngày 8/3, 20/10, 20/11 : 100.000đ/ng/tiết dạy tốt.

Điều 19. Quản lý và sử dụng tài sản công:

Thực hiện theo quy định tại Luật quản lý và sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Thành phố Hải Phòng về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

1. Quy định về quản lý sử dụng tài sản:

- Các phòng ban, bộ môn được trang bị các loại máy móc phải được sử dụng đúng mục đích trên tinh thần tiết kiệm, bảo quản tốt tài sản được giao, các máy khi hư hỏng phải báo hỏng cho bộ phận theo dõi tài sản và Ban giám hiệu để có kế hoạch sửa chữa hoặc thay thế và thanh toán theo thực tế.

- Tài sản bị mất do người quản lý và sử dụng thiếu trách nhiệm thì bị xử lý theo quy định của Nhà nước.

2. Quy định về mua sắm tài sản:

Việc mua sắm tài sản phải được thực hiện theo quy định của luật đấu thầu và các thông tư hướng dẫn, các văn bản quy định khác của Nhà nước về quy trình mua sắm tài sản trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Nhu cầu mua sắm tài sản phục vụ cho giảng dạy và học tập, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các bộ phận phải lập kế hoạch mua sắm và được lập vào dự toán hàng năm của đơn vị.

Việc trang bị tài sản mới cho đơn vị hay cá nhân phải căn cứ vào quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị.

Quy trình mua sắm trang thiết bị phải được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3. Quy định về thanh lý tài sản:

Là những tài sản dư thừa, hết hạn sử dụng, không có nhu cầu sử dụng, nhưng không thể điều chuyển cho bộ phận khác sử dụng, tài sản đã hư hỏng không thể sửa chữa được (trừ các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc).

Quy trình thủ tục thanh lý tài sản thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước, thành lập Hội đồng thanh lý tài sản để thực hiện.

Khi thanh lý tài sản phải báo cáo các cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 20. Xử lý vi phạm:

Các trường hợp không xét A, B, C; tháng, quý, năm:

- Cá nhân sử dụng thời gian lao động không đảm bảo theo quy định, không có hiệu quả thì không được bình xét thi đua khen thưởng.
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên có ngày, giờ công nghỉ tự do.
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm nội quy, quy chế của nhà trường nơi đang theo học (Có thông báo của nhà trường).
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên nghỉ thời gian quá dài so với quy định của nhà nước như: Nghỉ quá phép, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động...
- Cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm nội quy, quy chế của cơ quan đề ra.
- Cá nhân vi phạm quy chế chuyên môn không được xét khen thưởng.
- Sử dụng máy tính vào các trò chơi, không khoá cửa, không tắt điện, nước khi hết giờ làm việc ra về thì trừ vào thi đua cá nhân, tập thể đó.
- Sử dụng vượt định mức khoán, tiêu chuẩn đã được quy định.
- Làm hư hỏng, làm mất tài sản mà không rõ lý do chính đáng thì cá nhân, tập thể phải chịu bồi thường và không được tính thi đua cho cá nhân, tập thể đó.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21: Tổ chức thực hiện

Qui chế chi tiêu nội bộ được thảo luận dân chủ trong tập thể Hội đồng sư phạm và được tập thể cán bộ, giáo viên biểu quyết thông qua.

Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi về chế độ, chính sách, định mức chi hiệu trưởng chịu trách nhiệm bổ sung, sửa đổi cho phù hợp và thông qua Hội đồng sư phạm biểu quyết.

Qui chế này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Phạm Hồng Hải

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Văn Tiến